TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **184**/2020/DS-PT
Ngày: 16/6/2020
V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản, tranh chấp thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại và tranh chấp chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương
Cùng các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt
Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2020/TLPT-DS ngày 13/5/2020 về tranh chấp thừa kế tài sản, tranh chấp thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại và tranh chấp chia tài sản chung.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2020/DS-ST ngày 10/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 191/2020/QĐ-PT ngày 28/5/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Bành Thị H, sinh năm 1961 (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 1, xã LH, huyện GT, tỉnh Bến Tre.
2. Bà Bành Phương Th, sinh năm 1964. (Xin vắng mặt)
3. Bà Bành Thị Th1, sinh năm 1966. (Xin vắng mặt)
4. Ông Bành Thanh Ng, sinh năm 1973. (Xin vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.
5. Ông Bành Trường Th2, sinh năm 1969. (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 5, xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.
6. Ông Bành Trường Đ, sinh năm 1971. (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp BT, xã TT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bành Thanh Ng, bà Bành Phương Th: Luật sư Nguyễn Khoa Nh– Công ty Luật TNHH KNthuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Bành Hòa K , sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp 4, xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Đinh Thị Bé M, sinh năm 1972, trú tại: Số 65B7, Khu phố 4, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Bành Tấn C, sinh năm 1945. (Xin vắng mặt)

Chỗ ở hiện nay: Ấp 4, xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1972. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp BP, xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

3. Chị Nguyễn Thị Kim Th3, sinh năm 1990. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

4. Bà Thôi Thu H, sinh năm 1976. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

5. Ủy ban nhân dân huyện GT. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn GT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Bé S – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện GT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn H – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện GT. (Xin vắng mặt)

6. Ủy ban nhân dân xã BT, huyện GT.

Địa chỉ: Ấp 3, xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã BT. (Xin vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Bành Phương Th, ông Bành Thanh Ng là nguyên đơn, ông Bành Hòa K là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2018, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Bành Thị H, bà Bành Thị Th1, ông Bành Trường Đ, ông Bành Trường Th2 trình bày: Cha mẹ các ông bà là cụ Bành Tăng R và cụ Võ Thị Gi có 07 người con là bà Bành Thị H, bà Bành Thị Th1, ông Bành Trường Đ, ông Bành Trường Th2, bà Bành Phương Th, ông Bành Thanh Ng và ông Bành Hòa K .

Phần đất có diện tích 6817,5m^2 thuộc thửa 112, tờ bản đồ số 45 và diện tích 1627,1m^2, thuộc thửa 173, tờ bản đồ số 26 cùng tọa lạc tại xã BT, huyện

GT, tỉnh Bến Tre, được Ủy ban nhân dân huyện GT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cụ R. Trên thửa đất 173 có căn nhà cấp 4 do cụ Gi xây dựng. Tất cả tài sản trên là của cụ R và cụ Gi tạo lập.

Năm 2004, cụ R chết không để lại di chúc. Sau khi cụ R chết, cụ Gi đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên. Ngày 04/9/2009, cụ Gi lập di chúc để lại troàn bộ tài sản nhà và đất nêu trên cho ông Bành Hòa K . Năm 2016, cụ Gi dùng tài sản này để bảo lãnh cho bà Bành Thị Th1 vay vốn ở Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bến Tre (ACB) với số tiền 2.500.000.000 đồng. Ngày 01/8/2017, cụ Gi chết, bà Th3 không có khả năng trả số tiền đã vay. Do sợ Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản nên ông Ng đứng ra vay bên ngoài số tiền 2.500.000.000 đồng đưa bà Th3trả nợ cho Ngân hàng.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Gi mà chưa có ý kiến của các con là không phù hợp, di chúc của cụ Gi lập ngày 04/9/2009 cho ông K toàn bộ tài sản trên là không đúng quy định pháp luật. Nay các nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện GT, tỉnh Bến Tre cấp cho cụ Võ Thị Gi, gồm: thửa đất số 173, tờ bản đồ số 26 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 45, tọa lạc tại xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

- Yêu cầu hủy toàn bộ di chúc do cụ Võ Thị Gi lập được Ủy ban nhân dân xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre chứng thực ngày 04/09/2009.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do cụ Bành Tăng Rê và cụ Võ Thị Gi để lại và chia tài sản chung như sau:

Chia tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 112, tờ bản đồ số 45 thành 05 phần bằng nhau, ông Ng và bà Th mỗi người yêu cầu được chia 01 phần.

Đối với phần quyền sử dụng đất của cụ R và cụ Gi (cụ R, cụ Gi mỗi người có 1/5) trong tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 112, tờ bản đồ số 45. Ông Ng, bà Th yêu cầu chia thừa kế thành 07 phần cho ông Ng, bà Th mỗi người được nhận giá trị 01 phần.

Chia thừa kế để ông Ng, bà Th mỗi người được nhận 1/7 giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản và hoa màu trên đất đối với thửa đất số 173, tờ bản đồ số 26.

Ông Ng, bà Th yêu cầu nhận giá trị theo giá thị trường tại biên bản định giá ngày 04/12/2018. Tổng giá trị kỷ phần thừa kế và tài sản chung mà ông Ng, bà Th yêu cầu chia cho mỗi người được nhận là 1.055.377.017 đồng. Ông Ng và vợ ông Ng là bà Thôi Thu H có vay tiền bên ngoài để trả tiền vay ngân hàng số tiền 2.500.000.000 đồng, lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Gi ra và

ông K giữ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với số tiền bà Thu, bà H, ông Đ thừa nhận thiếu vợ chồng ông Ng, bà H thì ông Ng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tuy nhiên, ngày 20/6/2019 các ông bà: Bành Thị H, Bành Thị Th1, Bành Trường Đ, Bành Trường Th2 tất cả đều có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chia thừa kế. Đồng thời, quan điểm của các ông, bà là những phần thừa hưởng của các ông, bà (nếu có) trong di sản mà cụ R, cụ Gi để lại thì các ông, bà đồng ý giao lại toàn bộ cho bị đơn hưởng, cam kết không khiếu nại về sau và xin phép vắng mặt trong các lần giải quyết, xét xử của Tòa án các cấp.

Bị đơn là ông Bành Hòa K trình bày: Ông thống nhất về quan hệ gia đình cha mẹ và các anh chị em ruột như nguyên đơn trình bày là đúng. Phần đất có diện tích 6817,5m^2, thuộc thửa 112, tờ bản đồ số 45 và diện tích 1627,1m^2, thuộc thửa 173, tờ bản đồ số 26, cùng tọa lạc tại xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre và trên thửa đất số 173 có căn nhà là tài sản của hộ cụ R, cụ Gi. Cụ R chết năm 2004, không để lại di chúc. Cụ Gi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định pháp luật. Cụ Gi chết ngày 01/8/2017, có để lại di chúc. Di chúc lập vào ngày 04/9/2009 được Ủy ban nhân dân xã BT chứng thực, nội dung di chúc để lại toàn bộ tài sản cho ông. Di chúc hoàn toàn hợp pháp nên ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Ng và bà Th.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến đề ngày 04/12/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bành Tấn C trình bày:

Ông có phần đất thửa số 215, tờ bản đồ số 26 giáp phần đất tranh chấp của nguyên đơn và bị đơn. Ông thống nhất với ranh khi đo đạc đất tranh chấp.

Tại biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kim D trình bày:

Tòa án có thông báo cho bà về việc trong các phần đất tranh chấp trong vụ án có thửa đất số 112, tờ bản đồ số 45 giáp với phần đất do bà đứng tên chủ sử dụng đất thuộc thửa số 362, tờ bản đồ số 45, cùng tọa lạc tại xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre. Trong phần đất các đương sự yêu cầu đo đạc có diện tích 34,4m^2, thuộc một phần thửa đất số 362 (được đặt thửa tạm là 1/362a), tờ bản đồ số 45, ý kiến của bà muốn thương lượng với nguyên đơn và bị đơn, nếu nguyên đơn và bị đơn trả cho bà 5.000.000 đồng thì bà sẽ không tranh chấp và có văn bản đồng ý điều chỉnh ranh cho các nguyên đơn và bị đơn sử dụng luôn phần đất của bà.

Tại đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 04/9/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim Th3 trình bày:

Chị nhận chuyển nhượng phần đất diện tích 1525,8m^2, thuộc thửa 106, tờ bản đồ số 45, tọa lạc tại xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre của bà Thái Tuyết Nhung. Chị đã được Tòa án thông báo về việc khi Tòa án đo đạc thực tế phần

đất tranh chấp, chị không tranh chấp gì trong vụ án này và yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại văn bản nêu ý kiến đề ngày 09/9/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thôi Thu H trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Bành Thanh Ng, bà không ý kiến và không yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại văn bản số 618/UBND-NC ngày 06/3/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện GT trình bày:

Thửa đất số 173, tờ bản đồ 26 và thửa đất số 112, tờ bản đồ 45, tọa lạc tại xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre, được Ủy ban nhân dân huyện GT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Bành Tăng Rê theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 731100 cấp ngày 07 tháng 7 năm 2004.

Căn cứ vào hồ sơ xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Võ Thị Gi có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã BT, Ủy ban nhân dân huyện GT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Võ Thị Gi thửa 173, tờ bản đồ 26 và thửa 112, tờ bản đồ 45 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 050340 và AD 050176 cấp ngày 06 tháng 10 năm 2005.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 151 Nghị định số: 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai thì trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Võ Thị Gi thiếu biên bản phân chia thừa kế.

Tại văn bản số 482/UBND-TP ngày 11/9/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã BT trình bày:

Qua lục lại hồ sơ lưu, Ủy ban nhân dân xã chứng thực di chúc cụ Võ Thị Gi sinh năm 1938, thường trú tại Ấp 4, xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre. Thời điểm lập di chúc, tinh thần sức khỏe cụ Gi minh mẫn và di chúc được chứng thực vào ngày 04 tháng 9 năm 2009 là đúng quy trình và quy định của pháp luật.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện GT đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2020/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện GT, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bành Thanh Ng, bà Bành Thị Thúy về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện GT cấp cho cụ Võ Thị Gi gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 050340, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00566, cấp ngày 06/10/2005 đối với thửa đất số 173, tờ bản đồ số 26, diện tích 1627,1m^2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 050176, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00567, cấp ngày 06/10/2005 đối với thửa đất số 112, tờ bản đồ số 45 diện tích 6817,5m^2 (các thửa đất cùng tọa lạc tại Ấp 4, xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bành Thanh Ng, bà Bành Phương Th về việc yêu cầu hủy một phần di chúc do cụ Võ Thị Gi lập được Ủy ban nhân dân xã BT chứng thực ngày 04/9/2009.

Hủy một phần di chúc do cụ Võ Thị Gi lập được Ủy ban nhân dân xã BT chứng thực ngày 04/9/2009.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bành Thanh Ng, bà Bành Phương Th về việc chia tài sản chung là phần đất đo đạc thực tế diện tích 6817,1m^2, mục đích sử dụng đất: LUC, thửa đất số 112, tờ bản đồ số 45, tọa lạc tại Ấp 4, xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre. Chia cho ông Bành Thanh Ng, bà Bành Phương Th mỗi người được nhận phần giá trị là 122.707.800 đồng (một trăm hai mươi hai triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn tám trăm đồng).

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bành Thanh Ng, bà Bành Phương Th về việc yêu cầu chia giá trị di sản thừa kế trong thửa đất số 112, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 1/173g, tờ bản đồ số 26, cùng tọa lạc tại Ấp 4, xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre. Chia cho ông Bành Thanh Ng, bà Bành Phương Th mỗi người được nhận phần giá trị là 311.456.475 đồng (ba trăm mười một triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bành Thanh Ng, bà Bành Phương Th về việc yêu cầu chia giá trị căn nhà (biệt thự) trên thửa đất số 1/173g, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại Ấp 4, xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre. Chia cho ông Bành Thanh Ng, bà Bành Phương Th mỗi người được nhận phần giá trị là 224.083.188 đồng (hai trăm hai mươi bốn triệu không trăm tám mươi ba nghìn một trăm tám mươi tám đồng).

Do ông Bành Hòa K được quyền sử dụng, quyền sở hữu các tài sản tranh chấp nên buộc ông Bành Hòa K giao cho ông Bành Thanh Ng, bà Bành Phương Th mỗi người số tiền giá trị phần tài sản chung và phần thừa kế được hưởng tổng cộng là 658.247.463 đồng (sáu trăm năm mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng).

Phần thừa kế của bà Bành Thị H, bà Bành Thị Th1, ông Bành Trường Th2, ông Bành Trường Đ mỗi người một phần giá trị là 535.539.663 đồng (năm trăm ba mươi lăm triệu năm trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi ba đồng), tạm giao cho ông Bành Hòa K quản lý để giao lại cho bà Bành Thị H, bà Bành Thị Th1, ông Bành Trường Th2, ông Bành Trường Đ khi có yêu cầu. Nếu có tranh chấp, Bành Thị H, bà Bành Thị Th1, ông Bành Trường Th2, ông Bành Trường Đ có quyền khởi kiện vụ kiện khác.

Ông Bành Hòa K được quyền sử dụng các phần đất đo đạc thực tế diện tích 1529,3m^2 mục đích sử dụng đất: ONT (300m2) + CLN, thửa 1/173g, tờ bản đồ số 26 và diện tích 6817,1m^2, mục đích sử dụng đất: LUC, thửa 112, tờ bản đồ

số 45, cùng tọa lạc tại Ấp 4, xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre; được quyền sở hữu căn nhà (biệt thự) 01 tầng.

(Các phần đất nêu trên có tứ cận và các thông tin khác theo hồ sơ đo đạc kèm theo bản án)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện GT thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ Võ Thị Gi: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 050340, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00566, cấp ngày 06/10/2005 đối với thửa đất số 173, tờ bản đồ số 26, diện tích 1627,1m^2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 050176, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00567, cấp ngày 06/10/2005 đối với thửa đất số 112, tờ bản đồ số 45 diện tích 6817,5m^2 (Các thửa đất cùng tọa lạc tại Ấp 4, xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre) và cấp lại cho ông Bành Hòa K khi có yêu cầu.

Ghi nhận ông Bành Hòa K không yêu cầu bà Bành Thị Th1 tháo dỡ, di dời chuồng gà nền đất, mái tole, cột gỗ tạp, vách be, diện tích 4,75m^2; nhà máy xay lúa nền xi măng, cột bê tông đúc sẵn, vách tole, mái tole Fbrôximăng, không trần, diện tích 22,68m^2; nhà máy xay lúa nền xi măng, cột xi măng, bê tông đúc sẵn, vách tole, mái tole tráng kẽm, không trần, diện tích 31m^2 của bà Bành Thị Th1 trên thửa đất số 1/173g, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại Ấp 4, xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Bành Thị H, bà Bành Thị Th1, ông Bành Trường Th2, ông Bành Trường Đ về việc yêu cầu: Hủy một phần di chúc do cụ Gi lập ngày 04/9/2009; hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện GT cấp cho cụ Võ Thị Gi; chia di sản thừa kế do cụ Bành Tăng Rê chết để lại là ½ quyền sử dụng đất diện tích 6817,5m^2, mục đích sử dụng đất: LUC, thửa 112, tờ bản đồ 45; diện tích 1627,1m^2, mục đích sử dụng đất: ONT + CLN, thửa 173, tờ bản đồ số 26, cùng tọa lạc tại Ấp 4, xã BT, huyện GT và căn nhà trên thửa đất số 173.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Bành Thanh Ng về việc yêu cầu ông Bành Hòa K trả cho ông số tiền 357.142.000 đồng (ba trăm năm mươi bảy triệu một trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thu thập chứng cứ, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự, quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 20/3/2020, ông Bành Hòa K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Ngày 23/3/2020, bà Bành Phương Th và ông Bành Thanh Ng kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện và kháng cáo, bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu trừ chi phí đám tang cho cụ Võ Thị Gi số tiền 193.573.000 đồng và chi phí làm nhà mồ số tiền 200.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện thửa đất số 173 và thửa số 112 được Ủy ban nhân dân huyện GT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Rê vào năm 1994, sau đó được cấp đổi vào năm 2004.Theo xác minh của tòa án cấp sơ thẩm thì thửa đất là của tập đoàn cấp cho các khẩu suất. Các bản sao kê của Ngân hàng thể hiện ông K gửi tiền cho bà Th3nhưng không thể hiện việc số tiền này dùng để xây nhà. Di chúc của bà Giác vi phạm nghiêm trọng về mặt hình thức do không có ngày tháng, không được ký tên trên từng trang. Ủy ban nhân dân xã BT chỉ xác nhận thời điểm lập di chúc bà Giác minh mẫn chứ không xác nhận nội dung di chúc là ý chí của bà Giác. Đề nghị hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần đối với nội dung kháng cáo yêu cầu trừ chi phí đám tang cho cụ Võ Thị Gi số tiền 193.573.000 đồng và chi phí làm nhà mồ số tiền 200.000.000 đồng do bị đơn rút kháng cáo. Đối với nội dung kháng cáo còn lại của bị đơn và kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Bành Hòa K , ông Bành Thanh Ng và bà Bành Phương Th làm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Nguyên đơn ông Bành Thanh Ng và bà Bành Phương Th có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, đồng thời có ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Ng, bà Th.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử cho ông Bành Trường Đ, bà Bành Thị H, bà Bành Thị Th1 tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng cho bị đơn. Tuy nhiên, ông Đ, bà H và bà Th3là đương sự trong vụ án tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử

không chấp nhận các ông bà nêu trên tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng tại phiên tòa phúc thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện ủy quyền của bị đơn rút một phần kháng cáo đối với nội dung kháng cáo yêu cầu chi phí đám tang cho cụ Võ Thị Gi số tiền 193.573.000 đồng và chi phí làm nhà mồ số tiền 200.000.000 đồng. Xét việc rút một phần kháng cáo của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 312 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo này của bị đơn.

Đồng thời, bà Đinh Thị Bé M là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử nghe đoạn ghi âm cuộc nói chuyện qua điện thoại (điện thoại của ông Bành Hòa K) giữa ông Bành Thanh Ng và ông Bành Hòa K . Bà Mười cho rằng đoạn thoại này đã có trước khi Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên họp công khai chứng cứ. Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm Tòa án có ra thông báo yêu cầu bị đơn giao nộp chứng cứ, tuy nhiên do chưa được lược ghi nên bị đơn không giao nộp chứng cứ này cho Tòa án cấp sơ thẩm. Bị đơn cũng đã có lời khai đầy đủ, đoạn ghi âm này để bổ sung cho lời trình bày của bị đơn là căn nhà đang tranh chấp không phải là di sản thừa kế của cụ Võ Thị Gi để lại, mà căn nhà đó là tiền của ông Bành Hòa K đã bỏ ra xây dựng. Xét thấy, đoạn ghi âm là tài liệu, chứng cứ bị đơn giữ nhưng không giao nộp tại giai đoạn sơ thẩm, không có lý do chính đáng cho việc không giao nộp, cũng như không phải là chứng cứ mới phát sinh trong giai đoạn phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị Bé M về việc xem xét đoạn ghi âm cuộc nói chuyện qua điện thoại tại phiên tòa phúc thẩm.

[2] Về nội dung tranh chấp và xét kháng cáo của ông Bành Thanh Ng, bà Bành Phương Th và ông Bành Hòa K :

[2.1] Thửa đất số 173, tờ bản đồ số 26 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre đã được Ủy ban nhân dân huyện GT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cụ Bành Tăng Rê. Năm 2004, cụ Bành Tăng Rê chết, cụ Gi đăng ký, kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các nguyên đơn cho rằng đây là tài sản chung của hộ gia đình nhưng Ủy ban nhân dân huyện GT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Gi mà chưa có ý kiến của các con là không phù hợp. Do đó, các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế các thửa đất trên. Bị đơn là ông Bành Hòa K cho rằng cụ Gi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định pháp luật, trước khi chết cụ Gi lập di chúc để lại toàn bộ tài sản cho ông, nên ông không đồng ý theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Xét thấy, tại biên bản xác minh ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện GT thì ông Lê Tấn Thành trình bày: Trước năm 1975, gia đình cụ R có

6.817,5m^2 đất tự có, năm 1978 đưa vào hợp tác xã đến năm 1990 cấp lại theo khẩu suất. Ngoài ra, tại giấy xác nhận nguồn gốc đất ngày 22/6/2004 và ngày 12/7/2000 thì cụ Bành Tăng Rê trình bày thửa 173, tờ bản đồ số 26 có nguồn gốc là đất tự có trước năm 1975. Đối với thửa đất số 112, tờ bản đồ số 45 cũng có nguồn gốc là đất tự có trước năm 1978, nhưng thửa đất này cụ R đã đưa vào tập đoàn đến năm 1990 thì cấp theo khẩu suất.

Như vậy, lời trình bày của ông Thành và cụ R thống nhất với nhau và phù hợp với lời trình bày của các nguyên đơn nên có căn cứ xác định thửa đất số 173 là tài sản chung của cụ R và cụ Gi, còn thửa đất số 112 là tài sản chung của hộ gia đình, nhưng khi cụ Gi làm thủ tục sang tên và lập di chúc mà không có ý kiến của các thành viên trong hộ là không đúng quy định. Di chúc cụ Gi lập chỉ có hiệu lực đối với phần di sản của cụ Gi và phần di sản mà cụ Gi được thừa kế của cụ R, phần di sản của cụ R được chia theo quy định của pháp luật.

[2.2] Đối với căn nhà trên thửa đất số 173, có diện tích là 275,3m^2, ký hiệu trên họa đồ là phần 1/173g. Ông K cho rằng năm 2014 ông K gửi tiền về thông qua tài khoản của bà Th3để cho cụ Gi xây nhà nên căn nhà trên là tài sản riêng của ông. Xét thấy, tại bản sao kê chi tiết giao dịch từ tháng 3/2014 đến tháng 02/2016 của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh Bến Tre thì ông K và bà Lâm Ngọc Hiền là vợ của ông K là người gửi tiền, bà Th3là người rút tiền. Tuy nhiên, ông K không chứng minh được nguồn tiền ông gửi về cho bà Th3dùng vào việc xây dựng căn nhà. Đối với căn nhà cũ của cụ Gi lập di chúc vào ngày 04/9/2009 đã đập bỏ hoàn toàn để xây căn nhà mới khi cụ Gi còn sống. Các đương sự trình bày không thống nhất về nguồn tiền xây dựng căn nhà mới, đồng thời không ai cung cấp được chứng cứ để chứng minh về nguồn tiền xây dựng căn nhà. Như vậy, có cơ sở xác định căn nhà hiện tại trên thửa1/173g thuộc quyền sở hữu của cụ Võ Thị Gi. Cụ Gi chết không để lại di chúc, nên căn nhà được chia theo pháp luật cho những người thừa kế của cụ Gi. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế của ông Bành Thanh Ng, bà Bành Phương Th, theo đó mỗi người được nhận giá trị phần tài sản chung và phần thừa kế tổng cộng là 658.247.463 đồng là phù hợp.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bành Thị H, bà Bành Thị Th1, ông Bành Trường Đ, ông Bành Trường Th2 có đơn rút yêu cầu khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của các ông bà là đúng quy định. Đồng thời, bà Bành Thị H, bà Bành Thị Th1, ông Bành Trường Đ, ông Bành Trường Th2 đồng ý giao phần thừa kế mà các ông bà được hưởng cho ông Bành Hòa K được tiếp tục quản lý, sử dụng nên ông Bành Hòa K được tiếp tục quản lý sử dụng các phần đất và tài sản tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Bành Thanh Ng, bà Bành Phương Th và ông Bành Hòa K

không cung cấp được các tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, vì vậy không chấp nhận kháng cáo của ông Bành Thanh Ng, bà Bành Phương Th và ông Bành Hòa K , giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Bành Phương Th, ông Bành Thanh Ng và ông Bành Hòa K mỗi người phải chịu án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 312 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần đối với kháng cáo của ông Bành Hòa K về việc yêu cầu trừ chi phí đám tang cho cụ Võ Thị Gi số tiền 193.573.000 đồng (một trăm chín mươi ba triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn đồng) và chi phí làm nhà mồ số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Bành Phương Th, ông Bành Thanh Ng và ông Bành Hòa K .

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2020/DS-ST ngày 10/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các điều 166, 203 của Luật đất đai năm 2013; các điều 212, 609, 612, 613, 623, 624, 627, 643, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Bành Thị H, bà Bành Thị Th1, ông Bành Trường Th2, ông Bành Trường Đ về việc yêu cầu: Hủy một phần di chúc do cụ Gi lập ngày 04/9/2009; hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện GT cấp cho cụ Võ Thị Gi; chia di sản thừa kế do cụ Bành Tăng Rê chết để lại là ½ quyền sử dụng đất diện tích 6817,5m^2, mục đích sử dụng đất: LUC, thửa 112, tờ bản đồ 45; diện tích 1627,1m^2, mục đích sử dụng đất: ONT + CLN, thửa 173, tờ bản đồ số 26, cùng tọa lạc tại Ấp 4, xã BT, huyện GT và căn nhà trên thửa đất số 173.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Bành Thanh Ng về việc yêu cầu ông Bành Hòa K trả cho ông số tiền 357.142.000 đồng (ba trăm năm mươi bảy triệu một trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bành Thanh Ng, bà Bành Thị Thúy về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện GT cấp cho cụ Võ Thị Gi gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 050340, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00566, cấp ngày 06/10/2005 đối với thửa đất số 173, tờ bản đồ số 26, diện tích 1627,1m^2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 050176, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00567, cấp ngày 06/10/2005 đối với thửa đất số 112, tờ bản đồ số 45 diện tích 6817,5m^2 (các thửa đất cùng tọa lạc tại Ấp 4, xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre).

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bành Thanh Ng, bà Bành Phương Th về việc yêu cầu hủy một phần di chúc do cụ Võ Thị Gi lập được Ủy ban nhân dân xã BT chứng thực ngày 04/9/2009.

Hủy một phần di chúc do cụ Võ Thị Gi lập được Ủy ban nhân dân xã BT chứng thực ngày 04/9/2009.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bành Thanh Ng, bà Bành Phương Th về việc chia tài sản chung là phần đất đo đạc thực tế diện tích 6817,1m^2, mục đích sử dụng đất: LUC, thửa đất số 112, tờ bản đồ số 45, tọa lạc tại Ấp 4, xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre. Chia cho ông Bành Thanh Ng, bà Bành Phương Th mỗi người được nhận phần giá trị là 122.707.800 đồng (một trăm hai mươi hai triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn tám trăm đồng).

6. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bành Thanh Ng, bà Bành Phương Th về việc yêu cầu chia giá trị di sản thừa kế trong thửa đất số 112, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 1/173g, tờ bản đồ số 26, cùng tọa lạc tại Ấp 4, xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre. Chia cho ông Bành Thanh Ng, bà Bành Phương Th mỗi người được nhận phần giá trị là 311.456.475 đồng (ba trăm mười một triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng).

7. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bành Thanh Ng, bà Bành Phương Th về việc yêu cầu chia giá trị căn nhà hiện tại trên thửa đất số 1/173g, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại Ấp 4, xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre. Chia cho ông Bành Thanh Ng, bà Bành Phương Th mỗi người được nhận phần giá trị là 224.083.188 đồng (hai trăm hai mươi bốn triệu không trăm tám mươi ba nghìn một trăm tám mươi tám đồng).

8. Buộc ông Bành Hòa K giao cho ông Bành Thanh Ng, bà Bành Phương Th mỗi người giá trị phần tài sản chung và phần thừa kế được hưởng tổng cộng là 658.247.463 đồng (sáu trăm năm mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng).

9. Ông Bành Hòa K được quyền sử dụng các phần đất đo đạc thực tế diện tích 1529.3m^2 mục đích sử dụng đất: ONT (300m^2) + CLN, thửa 1/173g, tờ bản đồ số 26 và diện tích 6817,1m^2, mục đích sử dụng đất: LUC, thửa 112, tờ

bản đồ số 45, cùng tọa lạc tại Ấp 4, xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre; được quyền sở hữu căn nhà (biệt thự) 01 tầng, móng cột dầm bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 100 – 200mm, hoàn thiện sơn nước, trần thạch cao, nền lát gạch Ceramic – Granic, mái tole giả ngói diện tích 275,3m^2 và được tiếp tục quản lý, sử dụng các tài sản khác trên thửa đất 1/173g, tờ bản đồ số 26.

(Các phần đất nêu trên có tứ cận và các thông tin khác theo hồ sơ đo đạc kèm theo bản án)

10. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện GT thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ Võ Thị Gi: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 050340, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00566, cấp ngày 06/10/2005 đối với thửa đất số 173, tờ bản đồ số 26, diện tích 1627,1m^2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 050176, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00567, cấp ngày 06/10/2005 đối với thửa đất số 112, tờ bản đồ số 45 diện tích 6817,5m^2 (Các thửa đất cùng tọa lạc tại Ấp 4, xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre) và cấp lại cho ông Bành Hòa K khi có yêu cầu.

11. Ghi nhận ông Bành Hòa K không yêu cầu bà Bành Thị Th1 tháo dỡ, di dời chuồng gà nền đất, mái tole, cột gỗ tạp, vách be, diện tích 4,75m^2; nhà máy xay lúa nền xi măng, cột bê tông đúc sẵn, vách tole, mái tole Fbrôximăng, không trần, diện tích 22,68m^2; nhà máy xay lúa nền xi măng, cột xi măng, bê tông đúc sẵn, vách tole, mái tole tráng kẽm, không trần, diện tích 31m^2 của bà Bành Thị Th1 trên thửa đất số 1/173g, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại Ấp 4, xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

12. Về chi phí tố tụng khác: Ông Bành Hòa K phải chịu chi phí đo đạc, định giá, thu thập quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổng cộng là 5.856.000 đồng (năm triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Do ông Bành Hòa K đã nộp tạm ứng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), ông Bành Thanh Ng đã nộp tạm ứng 3.856.000 đồng (ba triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng) nên ông Bành Hòa K phải hoàn trả lại cho ông Bành Thanh Ng số tiền 3.856.000 đồng (ba triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

13. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả lại bà Bành Thị H số tiền tạm ứng án phí ông Bành Thanh Ng nộp thay là 4.007.750 đồng (bốn triệu không trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 0019788 ngày 10 tháng 9 năm 2018.

Hoàn trả lại bà Bành Thị Th1 số tiền tạm ứng án phí ông Bành Thanh Ng nộp thay là 4.007.750 đồng (bốn triệu không trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 0019790 ngày 10 tháng 9 năm 2018.

Hoàn trả lại ông Bành Trường Th2 số tiền tạm ứng án phí ông Bành Thanh Ng nộp thay là 4.007.750 đồng (bốn triệu không trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 0019791 ngày 10 tháng 9 năm 2018.

Hoàn trả lại ông Bành Trường Đ số tiền tạm ứng án phí ông Bành Thanh Ng nộp thay là 4.007.750 đồng (bốn triệu không trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 0019792 ngày 10 tháng 9 năm 2018.

Ông Bành Thanh Ng phải chịu án phí số tiền là 30.329.898 đồng (ba mươi triệu ba trăm hai mươi chín nghìn tám trăm chín mươi tám đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.007.750 đồng (bốn triệu không trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 0019793, số tiền 8.928.550 đồng (tám triệu chín trăm hai mươi tám nghìn năm trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 0019794 cùng ngày 10 tháng 9 năm 2018 và 17.823.000 đồng (mười bảy triệu tám trăm hai mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007392 ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT (tổng cộng ông Ng đã nộp 30.759.300 đồng (ba mươi triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn ba trăm đồng)). Hoàn trả lại cho ông Bành Thanh Ng số tiền 429.402 đồng (bốn trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm lẻ hai đồng).

Bà Bành Phương Th phải chịu án phí số tiền là 30.329.898 đồng (ba mươi triệu ba trăm hai mươi chín nghìn tám trăm chín mươi tám đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.007.750 đồng (bốn triệu không trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 0019789 ngày 10 tháng 9 năm 2018 và 17.823.000 đồng (mười bảy triệu tám trăm hai mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007393 ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Bà Th còn phải tiếp tục nộp số tiền là 8.499.148 đồng (tám triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn một trăm bốn mươi tám đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Ông Bành Hòa K phải chịu án phí số tiền là 101.227.234 đồng (một trăm lẻ một triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi bốn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

14. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Bành Thanh Ng phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011421 ngày 23/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Bà Bành Phương Th phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011422 ngày 23/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Ông Bành Hòa K phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011420 ngày 20/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Bến Tre;*
- *TAND huyện Giồng Trôm;*
- *Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;*
- *Phòng KTNV;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán **Thẩm phán - chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Thị Ngọc Hương **Phạm Kim Của** **Huỳnh Ngọc Dũng**